TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2018
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Tân.

2. Ông Thi Hữu Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Long An, tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 210/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Thanh N - Sinh năm 1987 - Địa chỉ: ấp ML, xã MTT, huyện H, tỉnh Long An (Có mặt);

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H1 - Sinh năm 1980 - Địa chỉ: ấp ML, xã MTT, huyện H, tỉnh Long An (Có mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

3.1. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện H. Địa chỉ trụ sở: Khu phố 2, thị trấn ĐT, huyện H, tỉnh Long An. *Người đại diện hợp pháp:* Ông Ngô Văn L - Sinh năm 1960 - Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn ĐT, huyện H, tỉnh Long An; Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện H. Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 1792/QĐ-NHCS ngày 09-6-2015 (Có mặt);

3.2. Ông Nguyễn Văn R - Sinh năm 1964 - Địa chỉ: Ấp V, xã MTT, huyện H, tỉnh Long An (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03-11-2017, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị Thanh N trình bày và yêu cầu: Bà và ông Nguyễn Thanh H1 cưới nhau năm 2007, đăng ký kết hôn ngày 18-5-2012 tại Ủy ban nhân dân xã MTT. Chung sống đến năm 2013, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ông H1 thường uống rượu về ngược đãi bà. Bà và ông H1 đã ly thân từ tháng 5 năm 2017 đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông H1;

Về con chung: Bà và ông H1 có 02 con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 22-12-2008 và Nguyễn Tường L1, sinh ngày 18-9-2011, đang sống chung với ông H1. Bà thống nhất để ông H1 trực tiếp nuôi 02 con chung, bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chí nhánh huyện H Long An (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng nông nghiệp) 70.000.000 đồng; Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện H (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng chính sách) 38.000.000 đồng; Nợ tiền tro của ông Nguyễn Văn R 104.842.000 đồng.

Phần nợ Ngân hàng nông nghiệp, bà và Ngân hàng nông nghiệp đã thỏa thuận, bà cam kết có trách nhiệm trả, không yêu cầu ông H1 cùng trả. Ngân hàng nông nghiệp cũng đã có đơn không yêu cầu khởi kiện nộp cho Tòa án; Phần nợ Ngân hàng chính sách, bà yêu cầu ông H1 có trách nhiệm trả, bà không phải trả; Phần nợ ông R, sau khi cộng tổng số nợ chung, chia 2, khấu trừ số tiền bà và ông H1 phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và Ngân hàng chính sách, còn lại là phần của mỗi người phải trả cho ông R. Bà đồng ý theo mức lãi suất và số lãi theo ông R yêu cầu.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30-11-2017, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Thanh H1 trình bày và yêu cầu: Ông thống nhất lời trình bày của bà Lâm Thị Thanh N về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn và ly thân; Nguyên nhân mâu thuẫn; Con chung; Việc không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N;

Về con chung: Ông đồng ý trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nợ chung: Ông thống nhất toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của bà N, cũng như trình bày và yêu cầu của đại diện Ngân hàng chính sách và ông R.

– Theo đơn khởi kiện đề ngày 19-01-2018 và các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Ngân hàng

chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, do ông Ngô Văn L đại diện trình bày và yêu cầu:

Ngày 30-5-2013, Ngân hàng chính sách cho ông Nguyễn Thanh H1 vay 8.000.000 đồng, chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường, theo hợp đồng tín dụng số 6000005400110775, lãi suất 0,9%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 1,170%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15-5-2018.

Ngày 19-10-2016, Ngân hàng chính sách tiếp tục cho ông H1 vay 30.000.000 đồng, chương trình cho vay hộ nghèo, theo hợp đồng tín dụng số 6600000708753595, lãi suất 0,55%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,715%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 19-10-2019.

Tổng cộng, tính đến ngày 30-01-2018, ông H1 còn nợ 38.000.000 đồng vốn gốc.

Nay do bà N ông H1 ly hôn, Ngân hàng chính sách thống nhất theo thỏa thuận của bà N và ông H1, chấp nhận ông H1 có nghĩa vụ trả nợ trước hạn cho Ngân hàng chính sách 38.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực thi hành, đồng thời, phải trả lãi phát sinh sau theo hợp đồng, từ sau ngày 30-01-2018 đến khi trả hết nợ.

- Tại Bản tự khai ngày 31-01-2018, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn R trình bày: Ông có bán phân bón cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Lâm Thị Thanh N. Tính đến ngày 30-4-2017, ông H1 bà N còn nợ ông 104.842.000 đồng vốn gốc.

Ông yêu cầu ông H1 bà N phải liên đới trả cho ông 123.713.560 đồng, gồm 104.842.000 đồng tiền gốc và 14.153.670 đồng tiền lãi (104.842.000 đồng x 1,5%/tháng x 9 tháng từ ngày 30-4-2017 đến ngày 31-01-2018). Ông thống nhất theo thỏa thuận của bà N và ông H1 về phần nghĩa vụ của mỗi người.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H nhận xét: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Vụ việc được hòa giải Tòa án nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lâm Thị Thanh N khởi kiện "Tranh chấp ly hôn" với ông Nguyễn Thanh H1; Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện H khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và ông Nguyễn Văn R khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" - đối với bà Lâm

Thị Thanh N và ông Nguyễn Thanh H1; Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không có đơn rút yêu cầu khởi kiện; Trước khi mở phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án; Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[3] Xét sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa:

[3.1] Về hôn nhân: Bà N và ông H1 chung sống có đăng ký kết hôn ngày 18-5-2012 tại Ủy ban nhân dân xã MTT, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

- Tại phiên tòa, bà N và ông H1 thuận tình ly hôn. Xét bà N và ông H1 phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013, ly thân từ tháng 5 năm 2017, hiện vẫn sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau; Mâu thuẫn giữa bà N và ông H1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Việc bà N và ông H1 thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[3.2] Về nuôi con chung: Bà N và ông H1 thỏa thuận: Ông H1 được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 22-12-2008 và Nguyễn Tường L1, sinh ngày 18-9-2011, đang sống chung với ông H1 (theo nguyện vọng con chung tên Q); Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con của 2 đương sự là tự nghuyện, phù hợp nguyện vọng con chung, phù hợp quy định tại các Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[3.3] Về chia tài sản chung: Bà N và ông H1 trình bày thống nhất không có tài sản chung nên không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.4] Về chia nợ chung:

- Bà N và ông H1 thống nhất số nợ chung (vốn gốc) của vợ chồng gồm: Nợ Ngân hàng nông nghiệp 70.000.000 đồng, nợ Ngân hàng chính sách 38.000.000 đồng và nợ ông R 104.842.000 đồng. Việc thống nhất về nợ chung của 2 đương sự là tự nguyện nên ghi nhận;

- Đối với số nợ Ngân hàng nông nghiệp: Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, ngày 26-01-2018 Ngân hàng nông nghiệp có đơn không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, không có căn cứ xem xét giải quyết, đồng thời, không đưa Ngân hàng nông nghiệp tham gia tố tụng. Bà N ông H1 thỏa thuận bà N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp (vốn gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng) nên ghi nhận. Nếu phát sinh tranh chấp, Ngân hàng nông nghiệp, bà N và ông H1 có quyền khởi kiện bằng vụ án khác là phù hợp;

- Đối với số nợ Ngân hàng chính sách: Bà N, ông H1 và ông L đại diện ngân hàng chính sách thỏa thuận: ông H1 có nghĩa vụ trả nợ trước hạn cho ngân hàng chính sách (vốn gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng) nên ghi nhận.

- Đối với số nợ ông R: Bà N, ông H1 và ông R thỏa thuận: Bà N và ông H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông R 104.842.000 đồng vốn gốc và 14.153.670 đồng tiền lãi (104.842.000 đồng x 1,5%/tháng x 9 tháng từ ngày 30-4-2017 đến ngày 31-01-2018), tổng cộng 118.995.670 đồng. Chia theo phần: Ông H1 có nghĩa vụ trả 75.497.835 đồng, bà N trả có nghĩa vụ trả 43.497.835 đồng.

- Việc thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ của đương sự là tự nguyện nên ghi nhận.

- Tổng cộng, bà N có nghĩa vụ trả 43.497.835 đồng tiền nợ, ông H1 có nghĩa vụ trả 113.497.835 đồng tiền nợ.

- Cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trong việc tính lãi đối với các số tiền chậm thi hành án cho ông R.

[4] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, xét thấy:

[4.1] Bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và có nghĩa vụ trả 43.497.835 đồng tiền nợ, nên có nghĩa vụ chịu 2.174.892 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng, bà N phải chịu 2.474.892 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà N còn phải nộp thêm 2.174.892 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

[4.2] Ông H1 có nghĩa vụ trả 113.497.835 đồng tiền nợ, nên có nghĩa vụ chịu 5.674.892 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4.3] Ngân hàng chính sách không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4.4] Ông R không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông R 3.092.839 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 429, 430, 440, 463, 465, 466, 470, 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự: Bà Lâm Thị Thanh N và ông Nguyễn Thanh H1 thuận tình ly hôn.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự: Ông Nguyễn Thanh H1 được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 22-12-2008 và Nguyễn Tường L1, sinh ngày 18-9-2011, đang sống chung với ông H1 (theo nguyện vọng của con chung tên Q). Bà Lâm Thị Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Bà N được quyền tới lui, thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà N và ông H1 được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: Đương sự trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

4. Về chia nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự:

4.1. Ông Nguyễn Thanh H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện H 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng) tiền vốn vay, đồng thời phải trả lãi phát sinh, từ sau ngày 30/01/2018, theo thỏa thuận tại 02 Hợp đồng tín dụng số 6000005400110775 ngày 30-5-2013 và số 6600000708753595 ngày 19-10-2016, đã ký kết giữa Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện H với ông Nguyễn Thanh H1.

4.2. Bà Lâm Thị Thanh N và ông Nguyễn Thanh H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn R 118.995.670 đồng (Một trăm mười tám triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng). Trong đó gồm: 104.842.000 đồng vốn gốc tiền phân bón và 14.153.670 đồng tiền lãi. Chia phần cụ thể: Ông H1 trả 75.497.835 đồng (Bảy mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm ba mươi lăm đồng), bà N trả 43.497.835 đồng (Bốn mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm ba mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (Phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng, người phải thi hành án còn phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về án phí:

5.1. Bà Lâm Thị Thanh N phải chịu 2.474.892 đồng (Hai triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm (gồm 300.000 đồng án phí ly hôn và 2.174.892 đồng phí dân sự sơ thẩm), được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Biên lai thu số 0008103 ngày 09-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), bà N còn phải nộp thêm 2.174.892 đồng (Hai triệu, một trăm bảy mươi bốn nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

5.2. Ông Nguyễn Thanh H1 phải chịu 5.674.892 đồng (Năm triệu, sáu trăm bảy mươi bốn nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5.3. Ông Nguyễn Văn R không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông R 3.092.839 đồng (Ba triệu, không trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Biên lai thu số 0008194 ngày 31-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H).

6. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 28-3-2018).

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MTT (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương